TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

An Biên, ngày 22 tháng 11 năm 2017

Số: 140/2017/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 225/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp B, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang

- Và ông Dư Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp B, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị H và ông Dư Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà H và ông T xác định vợ chồng có 02 con chung là Dư Hoài N, sinh ngày 28/10/1997 và Dư Thị M, sinh ngày 04/10/2004.

Cháu Dư Hoài N đã đủ tuổi trường thành sống với cha hay mẹ tùy theo nguyện vọng của con.

Cháu Dư Thị M có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Giao cháu Dư Thị M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung và sự thỏa thuận của vợ chồng. Ghi nhận sự thỏa thuận của bà H và ông T về việc ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Khi cần thiết ông, bà có quyền làm đơn yêu cầu việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà H và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Bà H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định, cụ thể: 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng);

Số tiền án phí mà bà H phải nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007082 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Bà H được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Các đ- ơng sự;
- VKS cùng cấp;
- UBND xã N. A ;
- L- u hồ sơ vụ án;